



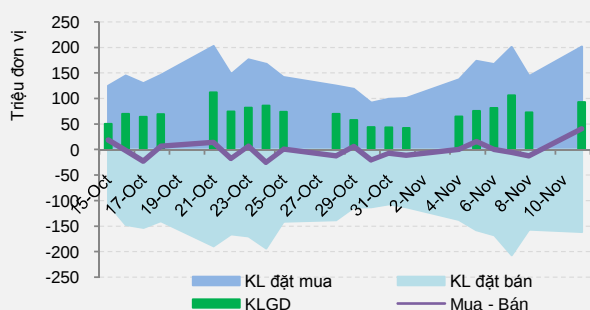
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 11/11/2013

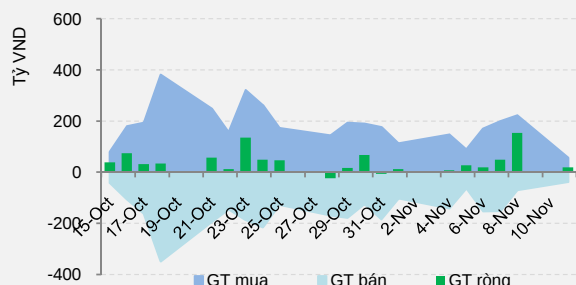
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	501.1	64.1
% Thay đổi	↑ 0.5%	↑ 1.2%
KLGD (CP)	93,276,990	44,824,274
GTGD (tỷ đồng)	1,067.43	328.56
Tổng cung (CP)	160,744,570	71,914,700
Tổng cầu (CP)	201,549,000	81,330,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	1,498,960	939,950
KL mua (CP)	1,641,600	620,200
GTmua (tỷ đồng)	55.84	8.52
GT bán (tỷ đồng)	36.64	10.77
GT ròng (tỷ đồng)	19.20	(2.25)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.70%	7.6	1.6	3.1%
Công nghiệp	↑ 1.41%	234.3	1.0	23.1%
Dầu khí	↑ 3.10%	7.3	1.4	2.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.34%	13.8	1.8	1.8%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.04%	8.2	2.6	1.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.14%	12.3	4.9	10.5%
Ngân hàng	↑ 0.43%	6.9	1.3	9.5%
Nguyên vật liệu	↑ 0.61%	9.7	2.0	9.4%
Tài chính	↑ 0.87%	18.0	2.5	31.2%
Tiền ích Cộng đồng	↑ 0.27%	8.9	3.3	7.2%
VN - Index	↑ 0.50%	12.9	2.9	76.5%
HNX - Index	↑ 1.22%	32.1	1.5	23.5%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE				
	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	1,045,950	1.1%	801,240	0.9%
GTGD (tỷ VND)	15,337	1.4%	7,811	0.7%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại sau hai phiên giảm điểm, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 503-505 điểm. Tại sàn HNX, chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh, tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm với thanh khoản tiếp tục gia tăng. Nhóm cổ phiếu Bluechips đã có thời gian tích lũy như REE, PPC, CSM... thu hút một bộ phận lực cầu, trong đó có NĐTNN. Còn lại đa số dòng tiền vẫn tập trung vào nhóm cổ phiếu thị giá thấp, thuộc nhóm ngành kỳ vọng diễn biến tích cực như BĐS, Xây dựng, VLXD.

Phiên giao dịch ngày mai là phiên T+3 của phiên thanh khoản đột biến Thứ Năm tuần trước. Áp lực chốt lời tại nhóm cổ phiếu đã tăng nóng dự kiến sẽ tăng mạnh, khi chỉ số VN-Index cũng đã tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 503-505 điểm và chỉ báo RSI cho thấy sàn HNX đang ở mức quá mua.

Tuy nhiên xu hướng dịch chuyển của dòng tiền giữa từng nhóm cổ phiếu, dòng tiền vẫn duy trì ở thị trường là tín hiệu tích cực. Lực cầu cũng đang quan tâm tới sàn HNX, sau thời gian dài nhóm cổ phiếu tại sàn này giảm điểm vì thiếu hỗ trợ của dòng tiền. Chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường trong trung hạn, với ngưỡng cản kỹ thuật gần nhất cần quan tâm là khoảng 513 điểm đối với VN-Index, 66 điểm đối với HNX-Index. Giai đoạn giằng co tại ngưỡng kháng cự là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

- VN-Index tăng 2.47 điểm (0.50%) so với phiên trước, lên 501.08 điểm, đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- HNX-Index tăng 0.76 điểm (1.21%), lên 64.06 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- Quốc hội đã biểu quyết thông qua Nghị quyết phát triển kinh tế xã hội năm 2014 với mức tăng trưởng GDP là 5.8%, CPI 7%, tổng đầu tư xã hội 30%, có cải thiện khá so với mức tăng trưởng dự kiến 5.3-5.4% của năm 2013. Một số định hướng giải pháp quan trọng được đưa ra là: 1/ Tập trung tháo gỡ khó khăn hỗ trợ sản xuất kinh doanh đối với doanh nghiệp, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, tiếp tục xem xét cơ cấu lại nợ, giảm lãi suất các khoản vay cũ; 2/ Triển khai toàn diện các giải pháp, thúc đẩy sự tham gia hiệu quả của các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế vào quá trình tái cơ cấu nền kinh tế; 3/ Nâng dần tỷ trọng nguồn vốn huy động đầu tư của doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp và có lộ trình giảm tỷ lệ vay vốn đầu tư phát triển doanh nghiệp từ hệ thống NHTM. Với định hướng này, kênh huy động vốn qua thị trường vốn (cổ phiếu, trái phiếu) dự kiến sẽ được quan tâm đầu tư phát triển về chất và lượng, nhằm đưa thị trường vốn thực hiện đúng vai trò là kênh huy động vốn dài hạn hiệu quả cho nền kinh tế.

- Lãi suất huy động hệ thống Ngân hàng tăng nhẹ. Lãi suất huy động kỳ hạn dưới 6 tháng đã lên mức kịch trần 7%/năm, lãi suất các kỳ hạn dài tăng lên đến gần 9%/năm, từ mức khoảng 6% và 8% thời gian trước đó. Động thái tăng lãi suất huy động của hệ thống Ngân hàng đến từ 1/ nhu cầu giải ngân tín dụng thời điểm cuối năm, và 2/ nhu cầu thanh khoản cao hơn của nền kinh tế. Hiện các Ngân hàng đang chú trọng giải ngân nguồn vốn bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ mùa vụ cao điểm sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.



VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Điều chỉnh	Tăng	Đi ngang

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

Short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày

short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần

Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng 2.47 điểm (0.50%) so với phiên trước, lên 501.08 điểm, đóng cửa ở mức cao nhất trong phiên.

- KLGD tăng 38% so với phiên trước, lên 87 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI tăng nhẹ lên mức 57 điểm, tâm lý thị trường đang tích cực hơn. Chỉ báo MACD đang giảm dần khoảng cách so với đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm trở lại sau hai phiên giảm điểm, phản ứng với ngưỡng cản kỹ thuật 503-505 điểm. Nhóm cổ phiếu Bluechips đã có thời gian tích lũy như REE, PPC, CSM... thu hút một bộ phận lực cầu, trong đó có NĐTNN. Còn lại đa số dòng tiền vẫn tập trung vào nhóm cổ phiếu thị giá thấp, thuộc nhóm ngành kỳ vọng diễn biến tích cực như BDS, Xây dựng, VLXD.

Thực tế dòng tiền luân chuyển giữa từng nhóm cổ phiếu, không rút ra khỏi thị trường là tín hiệu tích cực. Phiên giao dịch ngày mai là phiên T+3 của phiên thanh khoản đột biến Thứ Năm tuần trước. Chỉ số VN-Index cũng đã tiến sát ngưỡng cản kỹ thuật 503-505 điểm. Áp lực chốt lời của nhóm cổ phiếu đã tăng nóng dự kiến tiếp tục diễn ra. Tuy nhiên với thực tế cung cầu tích cực hiện tại, chúng tôi duy trì quan điểm về xu hướng tăng của thị trường trong trung hạn. Giai đoạn giảm giá tại ngưỡng kháng cự là cơ hội để nhà đầu tư tích lũy thêm cổ phiếu có nền tảng cơ bản, được dòng tiền quan tâm.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng 0.76 điểm (1.21%), lên 64.06 điểm, mức cao nhất trong phiên.

- KLGD tăng 10% so với phiên trước, lên 43 triệu đơn vị.

- Chỉ số RSI tăng lên mức 76 điểm - mức quá mua, tâm lý thị trường rất tích cực. Chỉ báo MACD 9 ngày vẫn đang nở rộng khoảng cách ở phía trên đường tín hiệu.

Nhận định: Chỉ số HNX-Index tiếp phiên tăng điểm mạnh, tăng qua ngưỡng cản kỹ thuật 63 điểm với thanh khoản tiếp tục gia tăng. Dòng tiền vẫn tập trung tại nhóm cổ phiếu thị giá vừa và nhỏ, thuộc nhóm ngành xây dựng, VLXD, BDS, dầu khí.

Phiên giao dịch ngày mai là phiên T+3 của phiên thanh khoản tăng mạnh Thứ Năm tuần trước. Áp lực chốt lời tại nhóm cổ phiếu đã tăng nóng dự kiến sẽ tăng mạnh, đặc biệt khi chỉ số RSI cho thấy thị trường đang ở mức quá mua. Tuy nhiên xu hướng dịch chuyển của dòng tiền giữa từng nhóm cổ phiếu, dòng tiền không có xu hướng rút khỏi thị trường là tín hiệu tích cực. Lực cầu đang quan tâm tới sàn HNX, sau thời gian dài nhóm cổ phiếu tại sàn này giảm điểm vì thiếu hỗ trợ của dòng tiền. Với thực tế dòng tiền tham gia thị trường khá tích cực, xu hướng tăng điểm của HNX-Index đã được xác lập với ngưỡng cản kỹ thuật cần quan tâm là khoảng 66 điểm.

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN Q3 TĂNG TRƯỞNG SO CÙNG KỲ CAO NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	VNH	HOSE	47.61	250.8%	6.68	1964.7%	63.91	77.4%	-1.3	-62.5%	-32.5%	0.3%
2	PXS	HOSE	303.33	121.5%	33.48	1665.7%	681.75	68.1%	49.18	79.2%	49.8%	1.4%
3	HQC	HOSE	99.18	121.8%	15.12	1468.0%	383.09	223.4%	27.95	202.4%	37.3%	1.1%
4	CMI	HNX	22.48	791.5%	5.05	1052.1%	23.22	81.8%	0.79	4.6%	3.4%	0.1%
5	SCR	HNX	186.45	280.2%	48.41	1000.2%	581.46	126.0%	-6.56	-6.5%	-5.8%	0.8%
6	NDN	HNX	54.5	144.6%	10.11	568.0%	109.45	115.5%	16.75	365.7%	134.8%	0.1%
7	KMR	HOSE	119.42	120.1%	11.97	532.0%	268.49	93.8%	14.19	426.1%	114.9%	20.8%
8	VHG	HOSE	71.63	178.9%	21.12	471.2%	167.27	125.1%	75.52	-345.0%	-377.6%	0.2%
9	TIE	HOSE	68	96.1%	33.35	354.0%	187.19	96.4%	40.99	240.0%	188.5%	4.1%
10	VPH	HOSE	237.3	1316.1%	9.83	330.2%	288.49	379.4%	10.51	-274.4%	26.2%	3.2%

TOP CỔ PHIẾU CÓ LỢI NHUẬN TUYỆT ĐỐI Q3 LỚN NHẤT

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	VNM	HOSE	8027.72	121.3%	1690.47	121.1%	22774.57	116.8%	5064.09	121.4%	81.3%	49.0%
2	PVD	HOSE	3865.87	116.1%	520.03	105.8%	10395.31	124.9%	1392.61	120.6%	102.4%	39.0%
3	HPG	HOSE	4194.85	104.3%	496.09	171.8%	12474.01	98.8%	1464.62	178.9%	122.1%	44.2%
4	PVS	HNX	7665.17	114.1%	482.2	137.1%	19289.7	106.3%	1024.4	108.8%	129.7%	23.0%
5	DPM	HOSE	1902.32	56.4%	365.09	65.7%	8001.97	76.5%	1958.21	78.5%	102.3%	29.4%
6	FPT	HOSE	12000.6	121.6%	330.59	97.7%	29948.2	105.2%	1133.7	103.9%	57.1%	49.0%
7	REE	HOSE	560.74	101.6%	199.87	260.2%	1683.5	97.0%	838.95	171.8%	129.1%	45.0%
8	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.6%
9	DRC	HOSE	629.78	96.7%	90.46	122.5%	2008.12	94.5%	279.28	128.2%	89.3%	28.8%
10	CSM	HOSE	805.09	105.9%	89.15	116.1%	2332.6	102.2%	257.73	138.4%	125.0%	13.0%

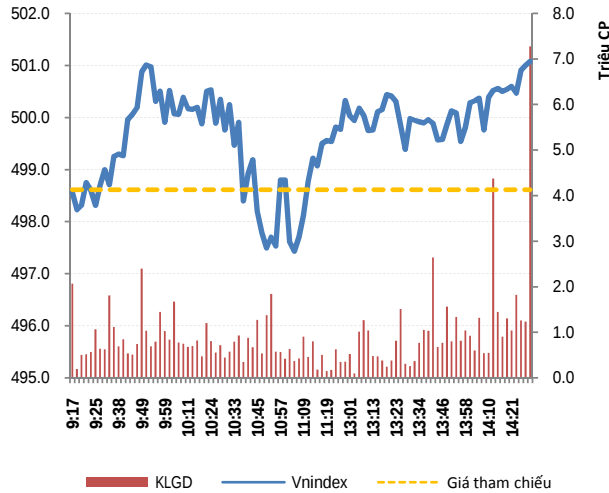
TOP CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH NĂM 2013

STT	Mã	Sàn	Doanh thu Q3	% so Q3.2012	LNST Q3 (tỷ)	% so Q3.2012	DT 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LNST 9T/2013 (tỷ)	% so 9T/2012	LN 9T so KH2013	Tỷ lệ SHNN
1	PVT	HOSE	1202.17	116.5%	46.73	133.1%	3526.38	109.5%	176.01	143.8%	451.3%	3.3%
2	PPC	HOSE	1200.53	174.8%	99.43	181.8%	4845.61	167.8%	1399.38	1891.8%	417.2%	10.6%
3	BSI	HOSE	54.21	162.5%	5.16	167.1%	155.16	81.1%	9.23	19.4%	406.6%	0.6%
4	VNA	HOSE	174.01	99.7%	-17.62	-38.1%	501.69	79.1%	-86.16	179.0%	344.6%	1.7%
5	VTO	HOSE	393.57	89.1%	8.04	62.6%	1201.53	97.9%	23.44	54.5%	324.2%	2.0%
6	WSS	HNX	4.92	78.0%	4.83	219.6%	15.22	54.5%	5.1	-162.9%	222.7%	4.4%
7	SZL	HOSE	43.31	124.8%	17.28	239.3%	116.14	122.8%	36.47	152.5%	194.5%	4.6%
8	TIE	HOSE	68	96.1%	33.35	354.0%	187.19	96.4%	40.99	240.0%	188.5%	4.1%
9	VND	HNX	51.35	102.1%	22.89	228.2%	185.72	93.9%	117.65	167.8%	155.3%	17.0%
10	BTP	HOSE	262.28	105.1%	10.52	50.6%	1053.25	115.0%	80.57	104.6%	149.8%	1.5%

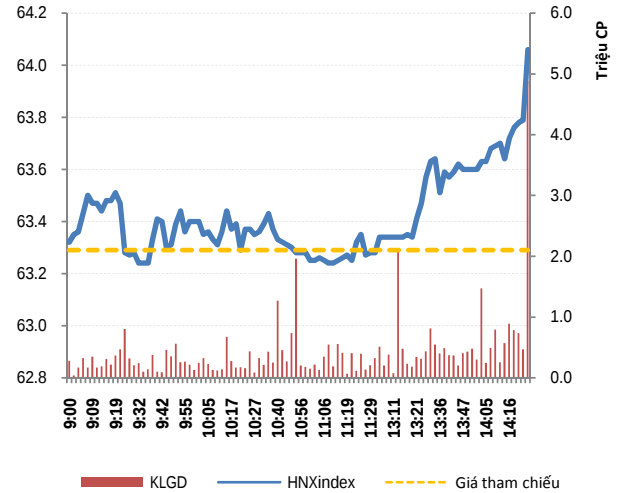
Ghi chú: Chỉ liệt kê những CP có KLGD bình quân trong 1 tháng gần nhất trên 50.000 cổ phiếu/phiên

Tỷ lệ SHNN tính đến ngày 07/11/2013

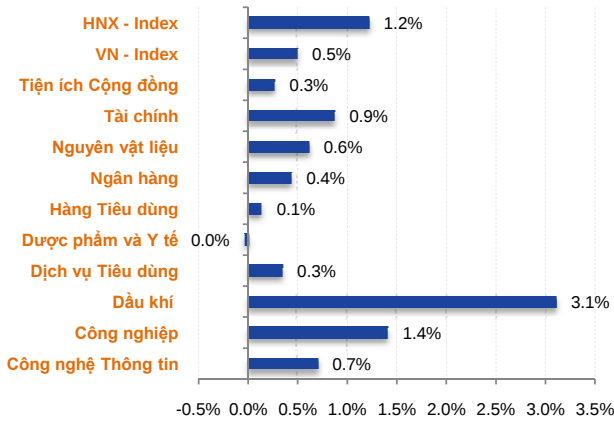
KLGD và VN-Index trong phiên



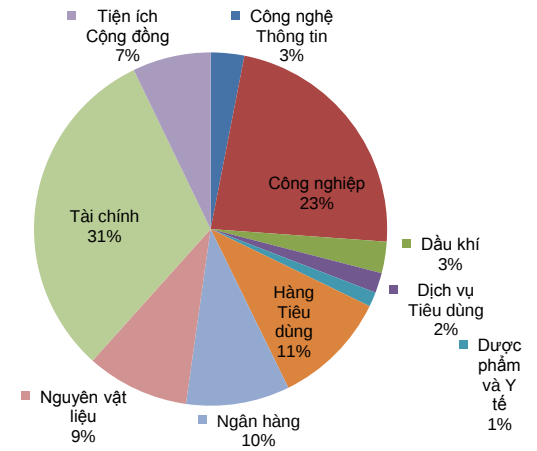
KLGD và HNX-Index trong phiên



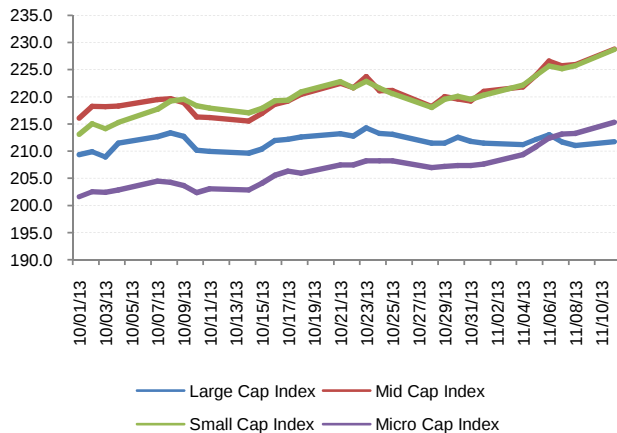
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



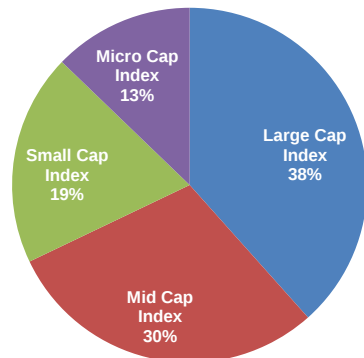
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCB	229,640	NTL	205,000
2	BVH	170,000	HBC	177,000
3	ITC	100,000	HQC	172,350
4	EIB	80,000	PAC	169,600
5	PPC	78,370	VFMVF4	64,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SDH	170,000	SD5	278,300
2	PVS	69,850	ICG	172,000
3	TXM	44,700	DBC	111,800
4	NET	40,100	VIG	100,300
5	THB	37,400	PPG	95,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	6.4	6.6	↑ 3.12%	6,655,600
FLC	5.0	5.3	↑ 6.00%	6,135,250
HQC	6.7	7.1	↑ 5.97%	4,606,480
STB	16.8	16.9	↑ 0.60%	3,812,400
SAM	7.6	8.1	↑ 6.58%	3,785,360

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SCR	6.6	6.8	↑ 2.42%	5,329,580
PVX	2.4	2.5	↑ 6.17%	4,464,683
SHB	7.1	7.1	↓ -0.28%	3,213,181
VCG	9.6	9.8	↑ 1.91%	2,788,520
PVS	16.7	17.3	↑ 3.72%	1,706,254

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PXM	0.7	0.8	0.1	↑ 14.29%
KMR	5.8	6.2	0.4	↑ 6.90%
PXL	2.9	3.1	0.2	↑ 6.90%
COM	26.2	28.0	1.8	↑ 6.87%
DXG	11.7	12.5	0.8	↑ 6.84%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PSG	0.6	0.7	0.1	↑ 16.67%
VE1	3.0	3.3	0.3	↑ 10.00%
VE4	8.0	8.8	0.8	↑ 10.00%
FDT	30.2	33.2	3.0	↑ 9.93%
NGC	12.1	13.3	1.2	↑ 9.92%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TDW	17.5	16.3	-1.2	↓ -6.86%
VNI	4.9	4.6	-0.3	↓ -6.12%
PNC	5.0	4.7	-0.3	↓ -6.00%
TMT	5.2	4.9	-0.3	↓ -5.77%
KSH	5.3	5.0	-0.3	↓ -5.66%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NVC	0.7	0.6	-0.1	↓ -13.43%
SHN	0.9	0.8	-0.1	↓ -11.11%
DAC	4.4	4.0	-0.4	↓ -9.09%
SRA	3.3	3.0	-0.3	↓ -9.09%
TIG	7.1	6.5	-0.6	↓ -8.75%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,655,600	0.3%	31	215.7	0.5
FLC	6,135,250	4.3%	661	8.0	0.3
HQC	4,606,480	4.2%	452	15.7	0.7
STB	3,812,400	5.4%	703	24.0	1.2
SAM	3,785,360	3.2%	590	13.7	0.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SCR	5,329,580	-1.1%	(160)	-	0.5
PVX	4,464,683	-67.8%	(4,616)	-	0.6
SHB	3,213,181	-2.9%	(335)	-	0.6
VCG	2,788,520	1.3%	150	67.2	0.9
PVS	1,706,254	17.3%	2,872	6.1	1.0

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PXM	↑ 14.3%	-1010.2%	(14,249)	-	(0.1)
KMR	↑ 6.9%	3.2%	377	16.5	0.5
PXL	↑ 6.9%	-1.8%	(187)	-	0.3
COM	↑ 6.9%	7.8%	2,027	13.8	1.1
DXG	↑ 6.8%	13.2%	1,500	8.3	1.1

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PSG	↑ 16.7%	-2323.7%	(7,206)	-	(0.5)
VE1	↑ 10.0%	-20.0%	(1,521)	-	0.4
VE4	↑ 10.0%	6.9%	987	8.9	0.6
FDT	↑ 9.9%	8.6%	1,374	24.2	2.0
NGC	↑ 9.9%	20.2%	2,681	5.0	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	229,640	9.9%	1,785	16.8	1.7
BVH	170,000	9.0%	1,607	24.8	2.2
ITC	100,000	-0.7%	(177)	-	0.3
EIB	80,000	8.6%	1,059	12.7	1.2
PPC	78,370	39.7%	6,105	3.6	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SDH	170,000	-16.1%	(1,276)	-	0.7
PVS	69,850	17.3%	2,872	6.1	1.0
TXM	44,700	4.4%	673	7.1	0.3
NET	40,100	35.8%	8,801	5.8	2.0
THB	37,400	14.7%	2,637	5.8	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	120,333	41.6%	6,429	9.9	3.7
VNM	115,853	40.5%	8,053	17.3	6.9
VCB	69,523	9.9%	1,785	16.8	1.7
CTG	64,415	19.2%	2,564	6.7	1.2
VIC	59,976	38.3%	4,968	13.3	4.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	14,283	7.5%	1,027	15.1	1.1
SQC	8,602	1.6%	198	395.7	6.4
PVS	7,817	17.3%	2,872	6.1	1.0
SHB	6,291	-2.9%	(335)	-	0.6
OCH	5,000	6.5%	557	44.9	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SGT	2.63	-41.0%	(2,320)	-	0.4
GMD	2.29	4.7%	1,866	16.6	0.8
DIG	2.15	0.0%	0	47,290.1	0.8
VPH	2.15	4.3%	626	10.5	0.4
DXV	2.07	3.5%	349	10.3	0.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TTZ	6.24	1.3%	135	27.4	0.3
CVN	4.77	-43.4%	(4,323)	-	0.3
SDH	4.47	-16.1%	(1,276)	-	0.7
PVV	4.21	-24.8%	(2,293)	-	0.3
PFL	3.83	-14.9%	(1,467)	-	0.3



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 3, Tòa nhà Trung tâm Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Lầu 3, tòa nhà Artex, 236-238 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Đoàn Thị Ánh Nguyệt
nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)